

Số: /KH-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chuyển đổi số Ngành giáo dục năm 2024

Thực hiện các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 276), Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2024 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 73), Kế hoạch số 46/KH-UBND về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 46) và Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 3625), Sở GDĐT ban hành Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số Ngành giáo dục năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục năm 2024 theo mục tiêu đã đặt ra trong Kế hoạch 73 và Kế hoạch 3625, phù hợp với đặc thù, hiện trạng của GDĐT tỉnh Quảng Ninh;

b) Thực hiện kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025 (nội dung triển khai năm 2024) nhằm tạo đột phá trong hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục; tạo tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục; kế thừa, phát huy hiệu quả các hạng mục đã đầu tư trong Đề án xây dựng chính quyền điện tử, các Đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục đã triển khai;

c) Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gắn với sử dụng các nền tảng số, xây dựng tài nguyên số dùng chung; tham gia phát triển chính quyền số, xã hội số, xây dựng dữ liệu quốc gia về dân cư của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bám sát Kế hoạch 276, Kế hoạch 73, Kế hoạch 46 và Kế hoạch 3625 triển khai có trọng tâm, trọng điểm, từng bước các nhiệm vụ đã xác định theo lộ trình, đảm bảo hiệu quả, lấy người học, nhà giáo, nhà quản lý giáo dục là trung

tâm của quá trình chuyển đổi số;

b) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các đơn vị trong công tác chuyển đổi số, đặc biệt là người đứng đầu, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, nâng cao chất lượng giáo dục gắn với sử dụng hiệu quả tài sản, kinh phí, tránh tiêu cực, thất thoát, lãng phí;

c) Chuyển đổi số phải thực hiện đồng bộ từ Sở GDĐT, Phòng GDĐT đến các cơ sở giáo dục. Các Đề án, kế hoạch, hoạt động chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục phải đảm bảo đồng bộ, phù hợp với kế hoạch này;

d) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.

(2) Các cơ quan quản lý giáo dục vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

(3) 100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo¹ được cập nhật trực tuyến và chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

(4) 100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).

2. Phát triển xã hội số trong giáo dục

(5) 100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 100% số tiền học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục thực hiện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM).

(6) 100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy; 100% trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên tuyển sinh đầu cấp lớp 10; 60% trường tiểu học và trung học cơ sở tuyển sinh lớp 1, lớp 6 hoàn toàn trên môi trường số.

¹ Theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2018/TT-LĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

(7) 60% cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.

3. Xây dựng trường học số

**** Chuyển đổi số trong dạy và học***

(8) Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 100% các cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động dạy và học trực tuyến; 30% học sinh, mỗi nhà giáo có đủ điều kiện² tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

(9) Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 40% học sinh sử dụng;

- Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 30% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục xây dựng ngân hàng câu hỏi thi.

(10) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

**** Chuyển đổi số trong quản trị trường học***

(11) Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số:

- Đạt 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;

- Đạt 100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;

- Đạt 50% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu

(12) Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc.

(13) Thực hiện số hóa 30% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ.

5. Phát triển nhân lực số

(14) 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.

² Đủ điều kiện về: phương tiện (máy tính, smartphone, thiết bị,...), đường truyền internet, phần mềm dạy và học.

(15) 80% cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.

(16) 100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ người học và người học về thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả các hoạt động có thanh toán, chi trả tiền. Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số vào nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ của từng đơn vị.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý các nhà trường, các cơ sở giáo dục; các khóa bồi dưỡng, kỹ năng số, xây dựng năng lực số cho đội ngũ giáo viên, học sinh.

c) Tổ chức ngày hội ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ cách làm, sản phẩm thực tế để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

d) Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên cổng thông tin ngành giáo dục, của các cơ sở giáo dục; tăng cường đưa tin, viết bài về các hoạt động chuyển đổi số tiêu biểu trong ngành.

e) Lựa chọn và xây dựng đơn vị điển hình về chuyển đổi số: Sở GDĐT lựa chọn đơn vị trực thuộc³, mỗi Phòng GDĐT lựa chọn tối thiểu 03 (ba) cơ sở giáo dục trực thuộc để xây dựng mô hình điển hình về việc khai thác nền tảng số đối với từng nhiệm vụ, nội dung cụ thể trong chuyển đổi số và lan tỏa trong toàn ngành.

f) Tổ chức đánh giá, khen thưởng, động viên kịp thời đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có các giải pháp, cách làm sáng tạo hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số của ngành.

2. Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục

a) Hướng dẫn về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa

³ 08 trường có cấp THPT, trong đó: 07 trường công lập, 01 trường ngoài công lập.

học của giáo viên (sử dụng các phần mềm, ứng dụng di động trong hoạt động giáo dục và giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin để ra đề kiểm tra, chấm bài; khai thác dữ liệu và phân tích kết quả học tập của học sinh; số hóa học liệu, xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi, bài giảng trực tuyến...). Xây dựng hướng dẫn sử dụng nền tảng học, giao tiếp trực tuyến phục vụ học sinh, sinh hoạt tổ chuyên môn và các hoạt động quản lý khác của nhà trường.

b) Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và học tập; quy chế về ứng xử trên môi trường mạng cho học sinh và giáo viên. Phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

c) Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt.

đ) Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số; gợi ý minh chứng và thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên.

f) Hướng dẫn sử dụng, cập nhật nội dung cổng thông tin điện tử của ngành và các cơ sở giáo dục.

g) Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Rà soát để đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số (đường truyền internet, điểm phát wifi, mạng LAN,...), trang thiết bị (máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại di động, ...) triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tại các cơ sở giáo dục; tăng cường triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

b) Đối với các đơn vị đã được đầu tư thiết bị dạy học hiện đại từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trường học thông minh thực hiện định kỳ rà soát, đánh giá tình trạng thiết bị để sửa chữa kịp thời, khai thác triệt để các thiết bị cho các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Tùy vào điều kiện của đơn vị, có kế hoạch và giải pháp phù hợp nhằm khai thác hiệu quả các thiết bị của hệ thống phòng học thông minh, phòng học tương tác để triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số, đặc biệt là việc xây dựng học liệu số, dạy học và quản trị nhà trường.

4. Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Thực hiện hiệu quả hướng dẫn tại Thông tư số 09⁴, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau: Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước. Sử dụng nền tảng phần mềm quản lý học tập (LMS) phù hợp, phát huy tối đa lợi ích của LMS đã chọn trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục; có giải pháp tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

Tiếp tục sử dụng khai thác hiệu quả phần mềm bài giảng điện tử tại địa chỉ: <http://lv.quangninh.edu.vn> cho hoạt động dạy và học của các cơ sở giáo dục. Thường xuyên cập nhật học liệu số của chương trình GDPT 2018 vào hệ thống.

b) Thực hiện xây dựng học liệu số của các khối lớp 1, 2,3,4, 6,7,8, 10,11; sử dụng hiệu quả kho học liệu dùng chung phục vụ nhằm tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả. Các cơ sở giáo dục chủ động lưu trữ, phân loại, quản lý học liệu số phục vụ công tác giáo dục của đơn vị.

c) Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số, triển khai mô hình dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp (Blended Learning, Hybrid Learning) và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh tham gia chủ động và chịu trách nhiệm với quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động tự học trực tuyến (elearning). Đặc biệt, đẩy mạnh triển khai phương pháp này đối với các trường thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong ngành giáo dục, dự án trường học thông minh để khai thác phòng học được trang bị, các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến một cách triệt để.

d) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; khuyến khích các cơ sở có đủ điều kiện đăng ký thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính (cần có kế hoạch và xác định các bước thực hiện từ triển khai thí điểm đến triển khai nhân rộng một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả).

đ) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các

⁴ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến.

e) Tiếp tục rà soát và đề xuất đầu tư mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản phục vụ dạy môn Tin học. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Xây dựng mô hình phòng studio một cách linh hoạt phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến.

f) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (ở những nơi có nhu cầu và điều kiện) bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học, kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

g) Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh phổ thông để hình thành thói quen số, năng lực số, văn hóa số, ... Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

5. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Hoàn thành thủ tục thuê dịch vụ và triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn>; khai thác dữ liệu phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

c) Tất cả các cơ sở giáo dục triển khai nền tảng quản trị nhà trường, đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu từ các cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, kết nối với các nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của cơ sở giáo dục.

Khai thác sử dụng các chức năng được xây dựng thành các phân hệ trên phần mềm Quản lý trường học trực tuyến: quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh và duy trì hệ thống quản lý kế toán đang thực hiện để phục vụ công tác quản lý của đơn vị.

d) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, tiếp tục triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, thực hiện ký số trên hồ sơ của đơn vị (sổ điểm, học bạ điện

tử,...).

6. Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục

a) Tổ chức tập huấn và triển khai phần mềm Quản lý văn bản tại địa chỉ <http://congchuc.quangninh.gov.vn> tới tất cả các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt trong toàn ngành và các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

b) Phối hợp với Ban Cơ yếu chính phủ cấp chữ ký số cho cán bộ quản lý, giáo viên có nhu cầu và thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành.

c) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.

d) Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên số hóa dữ liệu phục vụ việc cấp phát bản sao, xác minh văn bằng chứng chỉ.

đ) Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ: (1) Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến và Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ toàn trình; (2) Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình; (3) Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

7. Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng

a) Lập, thẩm định và trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin của các Hệ thống thông tin (Hệ thống mạng LAN nội bộ, các trang thông tin và website của đơn vị trực thuộc) trong toàn ngành theo quy định.

b) Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; tiến tới quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp. Triển khai các giải pháp kỹ thuật cần thiết đối với hệ thống mạng, hệ thống máy tính, trang thông tin điện tử và hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu đảm bảo an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Triển khai chuẩn kỹ năng số, khung năng lực số cho giáo viên và học sinh; tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ

giáo viên. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh.

b) Triển khai giáo dục STEM/STEAM trong các cơ sở giáo dục; phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp thông qua hình thức câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

c) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ƯU TIÊN

1. Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu Ngành giáo dục.

2. Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, dạy và học; xây dựng học liệu số; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng tỉ trọng dạy học trực tuyến theo mục tiêu; triển khai dạy học và quản lý nhà trường trên nền tảng số.

3. Triển khai chữ ký số đối với giáo viên và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

4. Thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển cân đối hàng năm cho ngành, địa phương để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch.

2. Nguồn tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, của các trường tư thục chi cho các nhiệm vụ triển khai tại đơn vị;

3. Nguồn kinh phí xã hội hóa huy động thực hiện các nội dung của ngành, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Sở

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong kế hoạch (*Chi tiết tại Phụ lục I, II đính kèm*). Chủ động đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ để tham mưu với Lãnh đạo Sở điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ theo chỉ tiêu, nhiệm vụ của Ngành.

- Văn phòng: (1) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch; (2) Định kỳ tổng hợp báo cáo sơ kết và tổng kết của các đơn vị để tham mưu báo cáo của Sở GDĐT theo quy định.

2. Phòng GDĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, Trung tâm GDNN-GDTX

a) Căn cứ Kế hoạch này, theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch của đơn vị, cụ thể hóa Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ.

b) Tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí và chủ động bố trí, cân đối kinh phí đầu tư, đồng thời huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin cho cơ sở giáo dục để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục.

c) Thực hiện báo cáo sơ kết và tổng kết (hoặc theo chỉ đạo) tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch về Sở GDĐT để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số Ngành giáo dục năm 2024, Sở GDĐT đề nghị các Phòng GDĐT, các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở nghiêm túc, triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo Sở (qua Văn phòng Sở GDĐT) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh;
- Đ/c Vũ Văn Diện, Phó CT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các Phòng GDĐT;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

PHỤ LỤC I
Chỉ tiêu Chuyển đổi số Ngành giáo dục năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số trong giáo dục				
1	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở	
2	100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo ⁵ được cập nhật trực tuyến và chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở	
3	100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).	07/2024	Phòng TCCBQLCL, Văn phòng	Phòng GDTXMN	
II	Phát triển xã hội số trong giáo dục				
1	100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức TTKDTM; 100% số tiền học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục thực hiện bằng phương thức TTKDTM.	04/2024	Phòng KHTC		
2	100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hồ sơ giấy;	08/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng	
	100% trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên tuyển sinh đầu cấp lớp 10; 60% trường tiểu học và trung học cơ sở tuyển sinh lớp 1, lớp 6 hoàn toàn trên môi trường số.	06/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Phòng TCCBQLCL	
3	60% cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.	10/2024	Văn phòng		
III	Xây dựng trường học số				
	Chuyển đổi số trong dạy và học				
1	100% các cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động dạy và học trực tuyến; 30% học sinh, mỗi nhà giáo có đủ điều kiện tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;	10/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng	

⁵ Theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2018/TT-LĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
2	Về môi trường giáo dục trực tuyến:				
2.1	Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 40% học sinh sử dụng	10/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng, KHTC	
2.2	Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 30% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;	11/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng	
3	Tỉ trọng nội dung chương trình GDPT được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.	12/2024	Phòng GDPT, GDTXMN		
	Chuyển đổi số trong quản trị trường học				
4	Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số				
4.1	100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;	07/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng	
4.2	100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;	2024	Văn phòng	Phòng GDPT, GDTXMN	
4.3	50% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.	09/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng KHTC	
IV	Xây dựng cơ sở dữ liệu				
1	Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở	
2	Thực hiện số hóa 30% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ	12/2024	Phòng TCCBQLCL, GDTXMN		
V	Phát triển nhân lực số				
1	100% các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.	09/2024	Phòng GDPT	Phòng TCCBQLCL	
2	80% trường phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.	09/2024	Phòng GDPT		
3	100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng,	10/2024	Phòng TCCBQLCL, Văn phòng		

TT	Chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
	cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.				

PHỤ LỤC II
Nhiệm vụ Chuyển đổi số Ngành giáo dục năm 2024

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số			
1	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ người học và người học	2024	Văn phòng	Phòng KHTC
2	Tổ chức các hội thảo chuyên đề, tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý các nhà trường, các cơ sở giáo dục; các khóa bồi dưỡng, kỹ năng số, xây dựng năng lực số cho đội ngũ giáo viên, học sinh	Trước 11/2024	Văn phòng, TCCBQLCL, GDPT, GDTXMN	
3	Tập huấn tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	03/2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
4	Tổ chức Hội nghị thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục	03/2024	Phòng KHTC	Các đơn vị thuộc Sở
5	Tổ chức ngày hội ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	04/2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
6	Tập huấn triển khai đề tài KHCN - Dạy học kết hợp trong trường THCS và THPT	04/2024	Phòng GDPT	Văn phòng
7	Tập huấn sử dụng phần mềm bài giảng điện tử http://lv.quangninh.edu.vn	07/2024	Văn phòng	Phòng GDPT
8	Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên cổng thông tin ngành giáo dục, của các cơ sở giáo dục; tăng cường đưa tin, viết bài về các hoạt động chuyển đổi số tiêu biểu trong ngành.	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
9	Bài viết tuyên truyền về chuyển đổi số trên cổng thông tin (của ngành, của cơ sở giáo dục): 02 bài/tháng	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở; CSGD
10	Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống các phòng học/trường học thông minh trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư giai đoạn 2017-2020 thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh và hệ thống của Bộ Giáo dục - Đào tạo.	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
11	Lựa chọn và xây dựng đơn vị điển hình về chuyển đổi số trong giáo dục.	04/2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở; Phòng GDĐT
12	Đánh giá, khen thưởng về chuyển đổi số	12/2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
II	Ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số			
1	Hướng dẫn về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học của giáo viên	06/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Các đơn vị thuộc Sở
2	Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và học tập; quy chế về ứng xử trên môi trường mạng cho học sinh và giáo viên. Phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng	04/2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
3	Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
4	Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt.	04/2024	Phòng KHTC	Các đơn vị thuộc Sở
5	Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số; gợi ý minh chứng và thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số	03/2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
6	Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên	07/2024	Phòng KHTC	Các đơn vị thuộc Sở
7	Hướng dẫn sử dụng, cập nhật nội dung cổng thông tin điện tử của ngành và các cơ sở giáo dục	04/2024	Văn phòng	
8	Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo	09/2024	Phòng GDPT	
III	Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số			
1	Rà soát để đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số (đường truyền internet, điểm phát wifi, mạng LAN,...), trang thiết bị (máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại di động, ...) triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tại các cơ sở giáo dục	09/2024	Phòng GDPT, KHTC	Các đơn vị thuộc Sở
2	Khai thác hiệu quả các thiết bị của hệ thống phòng học thông minh, phòng học tương tác để triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số, đặc biệt là việc xây dựng học liệu số, dạy học và quản trị nhà trường	2024	Phòng GDPT, KHTC	Các đơn vị thuộc Sở

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
IV	Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học			
1	Thực hiện hiệu quả hướng dẫn tại Thông tư số 09	2024	Phòng GDPT, GDTXMN	
2	Tiếp tục sử dụng khai thác hiệu quả phần mềm bài giảng điện tử tại địa chỉ: http://lv.quangninh.edu.vn cho hoạt động dạy và học của các cơ sở giáo dục. Thường xuyên cập nhật học liệu số của chương trình GDPT 2018 vào hệ thống	2024	Văn phòng, Phòng GDPT, GDTXMN	
3	Thực hiện xây dựng dựng học liệu số của các khối lớp 1, 2,3,4,6,7,8,10,11; sử dụng hiệu quả kho học liệu dùng chung phục vụ nhằm tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả	04/2024	Văn phòng, Phòng GDPT, GDTXMN	
4	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi	2024	Phòng TCCBQLCL, GDPT	
5	Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số, triển khai mô hình dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp	09/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	
6	Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; khuyến khích các cơ sở có đủ điều kiện đăng ký thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	09/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	
7	Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến	10/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	Văn phòng, TCCBQLCL
8	Tiếp tục rà soát và đề xuất đầu tư mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản phục vụ dạy môn Tin học. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Xây dựng mô hình phòng studio một cách linh hoạt phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến	10/2024	Phòng GDPT, KHTC, GDTXMN	
9	Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử	06/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	
10	Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh phổ thông để hình thành thói quen số, năng lực số, văn hóa số, ... Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai	09/2024	Phòng GDPT, GDTXMN	
V	Triển khai hệ thống quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục			

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Hoàn thành thủ tục thuê dịch vụ và triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trên địa bàn tỉnh	06/2024	Văn phòng	Phòng KHTC
2	Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ https://csdl.moet.gov.vn	06/2024	Văn phòng	Phòng KHTC
3	Khai thác sử dụng các chức năng được xây dựng thành các phân hệ trên phần mềm Quản lý trường học trực tuyến: quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh và duy trì hệ thống quản lý kế toán đang thực hiện để phục vụ công tác quản lý của đơn vị	2024	Văn phòng Phòng GDPT, GDTXMN	Phòng KHTC
4	Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử	2024	Phòng GDPT	
VI	Triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục			
1	Tổ chức tập huấn và triển khai phần mềm Quản lý văn bản tại địa chỉ http://congchuc.quangninh.gov.vn tới tất cả các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt trong toàn ngành và các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
2	Phối hợp với Ban Cơ yếu chính phủ cấp chữ ký số cho cán bộ quản lý, giáo viên có nhu cầu và thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành.	2024	Văn phòng	
3	Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.	2024	Văn phòng	
4	Triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ: (1) Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến và Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ toàn trình; (2) Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình; (3) Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt	2024	Phòng KHTC	
VII	Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng			
1	Lập, thẩm định và trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin của các Hệ thống thông tin (Hệ thống	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	mạng LAN nội bộ, các trang thông tin và website của đơn vị trực thuộc) trong toàn ngành theo quy định			
2	Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; tiến tới quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp. Triển khai các giải pháp kỹ thuật cần thiết đối với hệ thống mạng, hệ thống máy tính, trang thông tin điện tử và hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu đảm bảo an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định	2024	Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
VIII	Phát triển nguồn nhân lực			
1	Triển khai chuẩn kỹ năng số, khung năng lực số cho giáo viên và học sinh; tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ giáo viên. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh.	2024	Phòng TCCBQLCL, Văn phòng	Các đơn vị thuộc Sở
2	Triển khai giáo dục STEM/STEAM trong các cơ sở giáo dục; phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp thông qua hình thức câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số	2024	Phòng GDPT	
3	Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số	2024	Phòng TCCBQLCL	Các đơn vị thuộc Sở
4	Thành lập Tổ giúp việc chuyển đổi số Ngành giáo dục	03/2024	Văn phòng	